

Số: 42 /QĐ-TTr

Tân Bình, ngày 24 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TRỤ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông báo số 178/TB-TCKH ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường tiểu học Tân Trụ;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2023 của trường Tiểu học Tân Trụ (đính kèm mẫu biểu số 04).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Nhân viên phụ trách kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, KT.



Hà Thị Lương

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Tân Trụ

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-TTr ngày 21/6/2024 của Trường Tiểu học Tân Trụ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0	
I	Chi sự nghiệp	0	0	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.420	13.420	0	
		13.420	13.420	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.164	8.164	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.256	5.256	0	

Ngày 21 tháng 6 năm 2024

Hiệu trưởng



Hà Thị Lương

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN NSNN
NĂM 2023

A. Dự toán giao :

- Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	8.164.159.000 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	0 đồng
+ Giao đầu năm	:	8.164.159.000 đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 14)	:	7.115.918.421 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	725.918.421 đồng
+ Giao đầu năm	:	6.390.000.000 đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12)	:	842.613.000 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	0 đồng
+ Giao đầu năm	:	842.613.000 đồng

B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN năm 2023

I. Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	8.164.159.000 đồng
Lương theo ngạch, bậc	:	3.214.242.897 đồng
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	:	56.160.000 đồng
Phụ cấp chức vụ	:	51.852.000 đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	:	1.098.039.943 đồng
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	:	1.788.000 đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	:	612.955.864 đồng
Thưởng thường xuyên	:	31.860.000 đồng
Bảo hiểm xã hội	:	659.438.632 đồng
Bảo hiểm y tế	:	116.371.522 đồng
Kinh phí công đoàn	:	77.581.013 đồng
Bảo hiểm thất nghiệp	:	38.790.509 đồng
Các khoản đóng góp khác	:	19.395.255 đồng
Chi khác	:	346.598.200 đồng
Tiền điện	:	33.317.195 đồng
Tiền nước	:	6.640.101 đồng
Tiền vệ sinh, môi trường	:	9.810.000 đồng
văn phòng phẩm	:	15.696.522 đồng
Vật tư văn phòng khác	:	9.787.000 đồng

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường	587.223 đồng
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	20.615.249 đồng
Khoản công tác phí	12.000.000 đồng
Thuê lao động trong nước	144.120.000 đồng
Thuê đào tạo lại cán bộ	48.000.000 đồng
Chi phí thuê mướn khác	12.744.000 đồng
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	5.832.000 đồng
Các thiết bị công nghệ thông tin	47.370.000 đồng
Tài sản và thiết bị văn phòng	7.628.000 đồng
Đường điện, cấp thoát nước	3.982.000 đồng
Chi mua hàng hóa, vật tư	36.899.100 đồng
Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	4.000.000 đồng
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13.087.840 đồng
Chi khác	83.341.200 đồng
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	3.209.673 đồng
Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	368.514.687 đồng
Chi lập Quỹ phúc lợi	391.546.855 đồng
Chi lập Quỹ khen thưởng	126.676.924 đồng
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	264.869.931 đồng
Chi hỗ trợ khác	168.809.665 đồng
II. Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 14)	4.529.091.891 đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	61.686.250 đồng
Phụ cấp chức vụ	5.053.000 đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	111.545.336 đồng
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	186.000 đồng
Chi khác	3.932.425.191 đồng
Lương theo ngạch, bậc	325.921.597 đồng
Bảo hiểm xã hội	66.752.345 đồng
Bảo hiểm y tế	11.779.826 đồng
Kinh phí công đoàn	7.852.431 đồng
Bảo hiểm thất nghiệp	3.926.610 đồng
Các khoản đóng góp khác	1.963.305 đồng
III. Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12)	726.606.613 đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	137.325.613 đồng
Chi phí thuê mướn khác	4.000.000 đồng
Nhà cửa	364.035.000 đồng

Chi mua hàng hóa, vật tư

:

220.896.000 đồng

Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ

:

350.000 đồng

Tân Bình, ngày 21 tháng 6 năm 2024

Kế toán



Huỳnh hị Nho

Hiệu trưởng



Hà Thị Lương